| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH K GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **47**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2024
V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH K GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Mai Tấn Đẩu**

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Hà Ứng Cương**

***- Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Chí Thăng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh K Giang:*** *Không tham gia phiên toà.*

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, K Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 174/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

**1.** Nguyên đơn: Anh **Trịnh Đình C**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn LV, xã TV, huyện TH, tỉnh TH

**2.** Bị đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp TB, xã GT, huyện CT, tỉnh KG.

Các đương sự có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Trịnh Đình C trình bày: Anh và chị Phạm Thị T quen biết nhau từ năm 2012 do tìm hiểu trong công ty của anh chị làm chung. Đến năm 2013 thì về sống cùng nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết

hôn tại bất cứ đâu và cũng không tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận và có 01 người con chung tên Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013 nhưng đến khoản thời gian gần đây thì anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa anh Trịnh Đình C có ý kiến:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với chị Phạm Thị T

- Về việc nuôi con chung: Anh thống nhất giao người con chung tên Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Phạm Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung chị Phạm Thị T xác nhận đúng như anh Trịnh Đình C trình bày.

*Tại phiên toà hôm nay, chị Phạm Thị T có ý kiến:*

- Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn với anh Trịnh Đình C

- Về việc nuôi con chung: Chị thống nhất với ý kiến của anh Trịnh Đình C là nhận chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Đình C thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh K Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn anh Trịnh Đình C yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Phạm Thị T và thống nhất giao người con chung tên Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Phạm Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*".

[3] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Trịnh Đình C trình bày anh và chị Phạm Thị T quen biết nhau từ năm 2012 do tìm hiểu trong công ty của anh chị làm chung. Đến năm 2013 thì về sống cùng nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại bất cứ đâu và cũng không tổ chức lễ cưới trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân với nhau đã hơn một năm nay. Đến nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh khởi kiện xin ly hôn. Bị đơn chị Phạm Thị T cũng xác nhận đúng như lời anh C trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*" Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...".*

Từ đó, cho thấy mối quan hệ giữa anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật.

[5] - Về quan hệ con chung: Anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T xác định trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con tên là Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013. Tại phiên tòa anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T thống nhất thỏa thuận là anh Trịnh Đình C sẽ giao cháu Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Phạm Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trịnh Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự thỏa

thuận này giữa anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] *Về tài sản chung:* Anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] *Về nợ chung:* Anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc buộc nguyên đơn anh Trịnh Đình C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng anh C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00005535 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T

2- Về quan hệ con chung: Giao cháu Trịnh Đình Tuấn K, sinh ngày 21/11/2013 cho chị Phạm Thị T chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trịnh Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Đình C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền được cản trở.

3- Về tài sản chung: Anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4- Về nợ chung: Anh Trịnh Đình C và chị Phạm Thị T xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

5- Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trịnh Đình C phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng anh C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00005535 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- TAND tỉnh K Giang;*
*- VKSND huyện Châu Thành;*
*- Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
*- Lưu: hồ sơ, V.phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Mai Tấn Đẩu**